

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công nhận kết quả rèn luyện của sinh viên bậc Đại học liên thông hệ chính quy
Trong học kì II và cả năm học 2017-2018**

GIÁM ĐỐC PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Căn cứ vào Điều lệ Trường Đại học ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ Tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 4213/QĐ-BGDĐT ngày 05/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 4534/QĐ-BNN-TCCB ngày 02/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 703/2017/QĐ-PH-SV, ngày 03/8/2017 về việc Ban hành hệ thống các quy định đối với sinh viên.

Theo đề nghị của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện HSSV ngày 06/12/2018,

QUYẾT ĐỊNH:


Điều 1. Công nhận kết quả rèn luyện trong học kì II và cả năm học 2017-2018 của sinh viên các lớp bậc Đại học liên thông hệ chính quy thuộc các khoa Kinh tế, Lâm học và Lâm học, được phân loại như sau:


Xếp loại	HKII	Cả năm
+ Tốt:	40 SV	20 SV
+ Khá:	255 SV	173 SV
+ TB:	11 SV	10 SV
+ Yếu:	1 SV	7 SV
+ Kém:	23 SV	15 SV
Tổng	330 SV	225 SV

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Kết quả rèn luyện là cơ sở để xét học bổng trong học kì II và danh hiệu thi đua năm học 2017 - 2018, xét ngừng học, buộc thôi học, đồng thời được ghi nhận vào hồ sơ của sinh viên theo quy định.

Điều 3. Các ông (bà) có liên quan, GVCN/CVHT lớp và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: 
- Như điều 3;
- Lưu VT, HSSV.

**KT. Q. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Mai Hải Châu



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐIỂM RÈN LUYỆN
HỌC KỲ II VÀ CẢ NĂM HỌC 2017 - 2018**

(Kèm theo Quyết định số: 1358/QĐ-PHDHLN-SV ngày 07 tháng 12 năm 2018)

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	HKII		Cả năm	
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại
Khoa Kinh tế								
Lớp K6B_LTTC_KT_CS2								
1	15B340301132	Nguyễn Thị	Bích	07/07/1994	75	Khá	75	Khá
2	15B340301133	Huỳnh Thị Y	Bình	02/04/1992	77	Khá	76	Khá
3	15B340301134	Lê Thị Bảo	Diệu	27/07/1986	73	Khá	74	Khá
4	15B340301135	Lương Văn	Dũng	19/07/1991	80	Tốt	80.5	Tốt
5	16B340301002	Nguyễn Hữu	Dũng	01/01/1985	72	Khá	70	Khá
6	16B340301007	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	10/11/1993	72	Khá	70	Khá
7	16B340301008	Nguyễn Minh	Hiếu	12/05/1993	44	Yếu	44	Yếu
8	15B340301136	Nguyễn Quang	Hiếu	30/07/1995	72	Khá	71	Khá
9	15B340301137	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	10/01/1987	59	TB	65	Khá
10	16B340301009	Phan Thị Kim	Hoa	21/08/1991	71	Khá	70	Khá
11	15B340301138	Mạnh Thị	Hòa	04/07/1988	80	Tốt	78	Khá
12	15B340301139	Trần Thị	Hoàng	15/10/1991	70	Khá	66	Khá
13	15B340301140	Lê Minh	Hùng	17/07/1990	76	Khá	75	Khá
14	15B340301141	Dương Văn	Hung	02/08/1985	60	TB	61	TB
15	15B340301142	Lê Thị Lan	Hương	02/1991	74	Khá	78.5	Khá
16	16B340301013	Nguyễn Văn	Kiên	17/09/1991	74	Khá	73	Khá
17	15B340301144	Đặng Thị Mỹ	Linh	01/11/1994	74	Khá	72	Khá
18	15B340301143	Nguyễn Văn	Linh	23/10/1993	72	Khá	71	Khá
19	15B340301145	Lê Xuân	Minh	14/09/1981	71	Khá	69.5	Khá
20	15B340301146	Lê Thị Trung	Nhân	30/08/1983	81	Tốt	78	Khá
21	16B340301021	Trần Đức	Quý	09/10/1993	75	Khá	77	Khá
22	15B340301151	Hoàng Thị	Thảo	11/11/1996	74	Khá	74	Khá
23	16B340301022	Nguyễn Thị Phương	Thảo	07/06/1988	66	Khá	69	Khá
24	15B340301152	Dương Đức	Thuận	30/08/1991	74	Khá	72	Khá
25	15B340301154	Nguyễn Thị	Thùy	15/10/1986	76	Khá	75	Khá
26	16B340301026	Bùi Thị Thanh	Tuyết	26/06/1988	74	Khá	73	Khá
27	15B340301156	Lê Thị	Uyên	25/08/1995	80	Tốt	80	Tốt
Lớp K7A_LTTC_KT_CS2								
28	16B340301034	Nguyễn Thế	Đại	24/05/1993	68	Khá	70	Khá
29	16B340301035	Trần Thị Bảo	Hà	17/03/1992	0	Kém	25.5	Kém

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	HKII		Cả năm	
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại
30	16B340301036	Trần Thị Thanh	Huyền	08/04/1983	74	Khá	72	Khá
31	16B340301037	Vũ Thị Thúy	Liên	10/05/1991	85	Tốt	81	Tốt
32	16B340301039	Nguyễn Thị Mộng	Như	26/09/1994	69	Khá	69.5	Khá
33	16B340301040	Vũ Ngọc	Phượng	05/05/1993	78	Khá	75.5	Khá
34	16B340301057	Phạm Thị Hoài	Thanh	16/06/1982	72	Khá	68.5	Khá
35	16B340301042	Vũ Thị	Thơm	07/11/1991	74	Khá	72	Khá
36	16B340301043	Vũ Thị Huyền	Trang	18/03/1989	70	Khá	71	Khá
Lớp K7B_LT_KT_CQ								
37	17B340301001	Nguyễn Sĩ Đức	Dũng	19/12/1994	74	Khá	73.5	Khá
38	17B340301003	Lê Văn	Huân	19/08/1988	72	Khá	72	Khá
39	17B340301004	Phạm Thị Trúc	Huyền	19/11/1990	72	Khá	72	Khá
40	17B340301006	Phan Thị Hiền	Lương	26/05/1990	71	Khá	68	Khá
41	17B340301007	Nguyễn Thị Phương	Mai	25/10/1992	71	Khá	71	Khá
42	17B340301009	Nguyễn Thị Hiếu	Mi	12/12/1991	76	Khá	75	Khá
43	17B340301010	Trần Thùy Bích	My	27/09/1994	72	Khá	72	Khá
44	17B340301011	Dương Thị	Nga	13/02/1996	78	Khá	80	Tốt
45	17B340301012	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	30/07/1995	74	Khá	74	Khá
46	17B340301013	Phùng Thị	Nhàn	05/08/1991	74	Khá	72	Khá
47	17B340301014	Trần Thị Kim	Oanh	16/02/1994	74	Khá	75	Khá
48	17B340301015	Lê Thị Kim	Sang	20/10/1995	82	Tốt	82	Tốt
49	17B340301018	Nguyễn Xuân	Thành	21/10/1993	70	Khá	69	Khá
50	17B340301016	Phùng Thế	Thắng	04/10/1993	68	Khá	67.5	Khá
51	17B340301019	Đỗ Văn	Thương	02/07/1993	79	Khá	79	Khá
52	17B340301020	Nguyễn Thị Lệ	Trà	10/06/1993	74	Khá	74	Khá
53	17B340301022	Trần Phan Thu	Uyên	06/05/1995	76	Khá	75	Khá
54	17B340301023	Nguyễn Thị	Xoan	16/05/1993	82	Tốt	82	Tốt
Lớp K8B_LT_KT_CQ_CS2								
55	17B340301091	Mạnh Trọng	Giáp	04/05/1994	75	Khá		
56	17B340301092	Lê Đức	Hạnh	23/07/1988	80	Tốt		
57	17B340301093	Cao Thị	Hiên	15/10/1989	0	Kém		
58	17B340301094	Lê Thị	Liên	21/11/1989	77	Khá		
59	17B340301095	Phạm Thị	Linh	28/10/1996	77	Khá		
60	17B340301097	Thái Thị	Nga	20/06/1993	0	Kém		

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	HKII		Cả năm	
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại
61	17B340301099	Phan Thị Quỳnh	Ngọc	16/09/1994	75	Khá		
62	17B340301100	Nguyễn Thị Ý	Nhi	20/04/1980	0	Kém		
63	17B340301101	Hoàng Thị Trang	Nhung	12/11/1988	78	Khá		
64	17B340301102	Thái Thị	Oanh	05/03/1990	0	Kém		
65	17B340301103	Nguyễn Huỳnh	Phương	30/08/1990	77	Khá		
66	17B340301175	Nguyễn Thị Bích	Phượng	28/07/1993	75	Khá		
67	17B340301104	Dương Thị Kim	Quy	19/02/1990	80	Tốt		
68	17B340301105	Đình Thị	Sinh	09/09/1982	82	Tốt		
69	17B340301106	Nguyễn Thị	Thắm	12/06/1988	77	Khá		
70	17B340301107	Trần Văn	Thắng	05/07/1984	75	Khá		
71	17B340301108	Trần Thị Phương	Thùy	26/04/1994	77	Khá		
72	17B340301109	Phạm Trịnh Huyền	Trần	22/01/1992	0	Kém		
73	17B340301110	Huỳnh Thanh	Tuyền	18/02/1990	75	Khá		
74	17B340301111	Huỳnh Thị Kim	Xuyên	27/04/1988	0	Kém		
75	17B340301112	Phạm Thị	Yến	26/03/1991	80	Tốt		
Khoa Lâm học								
Lớp K6B_LTTC_QLDD_CS2								
76	15B850103343	Nguyễn Duy	Anh	20/12/1987	58	TB	60	TB
77	15B850103345	Lê Hồng	Cầm	08/04/1977	72	Khá	74	Khá
78	15B850103004	Lê Văn	Công	17/09/1985	70	Khá		
79	15B850103346	Dương Văn	Chương	06/02/1985	73	Khá	73.5	Khá
80	16B850103003	Nguyễn Công	Dân	05/02/1994	70	Khá	68.5	Khá
81	16B850103004	Đình Thị	Dâu	10/02/1984	69	Khá	68.5	Khá
82	15B850103347	Trương Hữu	Đức	10/12/1993	67	Khá	66.5	Khá
83	16B850103005	Hoàng Thị Ngân	Hà	20/01/1994	68	Khá	68.5	Khá
84	15B850103349	Nguyễn Thị	Hào	05/11/1990	73	Khá	75	Khá
85	15B850103351	Phạm Thị	Huyền	09/07/1984	81	Tốt	80.5	Tốt
86	15B850103352	Nguyễn Đức	Huỳnh	15/06/1985	73	Khá	75.5	Khá
87	15B850103350	Trần Tiến	Hung	25/05/1989	66	Khá	68	Khá
88	16B850103007	Nguyễn Thị	Liễu	02/02/1982	69	Khá	69.5	Khá
89	15B850103353	Nguyễn Thị Ngọc	Mến	20/07/1990	71	Khá	72	Khá
90	15B850103354	Trương Thị Hà	My	17/04/1992	73	Khá	72	Khá
91	15B850103355	Hoàng Minh	Nhật	26/07/1979	69	Khá	67.5	Khá

LỚP
 P
 TRI
 L
 2008

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	HKII		Cả năm	
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại
92	16B850103008	Y Nhon	Niê	26/03/1993	70	Khá	69	Khá
93	15B850103356	Nguyễn Văn	Phúc	20/01/1986	67	Khá	64	TB
94	15B850103357	Trịnh Văn	Quyền	27/07/1986	74	Khá	70	Khá
95	15B850103360	Trần Y	Tài	20/10/1979	67	Khá	68.5	Khá
96	15B850103361	Đỗ Thanh	Tâm	22/02/1986	72	Khá	73.5	Khá
97	15B850103362	Nguyễn Văn	Thái	22/12/1982	67	Khá	69.5	Khá
98	16B850103009	Đình Tiến	Thuật	29/01/1990	71	Khá	69	Khá
99	16B850103011	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	17/05/1989	66	Khá	68	Khá
100	16B850103010	Đoàn Thị	Thúy	11/02/1989	69	Khá	68	Khá
101	16B850103012	Nguyễn Trọng	Tú	20/10/1992	74	Khá	73	Khá
102	15B850103363	Đoàn Anh	Tuấn	21/06/1993	63	TB	64	TB
103	16B850103013	Nguyễn Công	Tuấn	24/06/1990	60	TB	64	TB
104	15B850103364	Nguyễn Công	Tý	07/03/1984	75	Khá	73.5	Khá
105	15B850103366	Trần Thị Hải	Yến	28/12/1981	67	Khá	69.5	Khá
Lớp K7B_LT_QLDD_CQ								
106	17B850103001	Lê Ngọc	Anh	06/01/1995	78	Khá	75	Khá
107	17B850103002	Nguyễn Cảnh	Chương	14/05/1984	77	Khá	72	Khá
108	17B850103004	Bùi Thanh	Duy	10/12/1989	74	Khá	73	Khá
109	17B850103005	Trần Văn	Giáp	25/08/1991	0	Kém	32	Kém
110	17B850103006	Nguyễn Việt	Hà	01/03/1994	0	Kém	36	Yếu
111	17B850103007	Bạch Xuân	Hoài	08/07/1995	80	Tốt	83	Tốt
112	17B850103008	Lê Văn	Hùng	28/05/1992	0	Kém	33.5	Kém
113	17B850103009	Nguyễn Văn	Huy	05/09/1995	0	Kém	0	Kém
114	17B850103012	Nguyễn Huỳnh Thanh	Lan	29/03/1988	75	Khá	73	Khá
115	17B850103015	Dương Thị	Loan	05/05/1989	77	Khá	72	Khá
116	17B850103017	Nguyễn Hải	Minh	19/02/1993	0	Kém	33.5	Kém
117	17B850103016	Phạm Quang	Minh	10/10/1989	77	Khá	74.5	Khá
118	17B850103018	Trần Thị	Nhi	25/03/1991	75	Khá	71	Khá
119	17B850103019	Nguyễn Thị Yến	Oanh	15/03/1984	72	Khá	66	Khá
120	17B850103020	Nguyễn Văn	Phương	20/04/1989	0	Kém	33.5	Kém
121	17B850103021	Đình Thị	Phượng	05/08/1989	75	Khá	72.5	Khá
122	17B850103022	Trần Văn	Quang	10/02/1989	6	Kém	35.5	Yếu
123	17B850103014	Trần Thanh	Quý	05/04/1992	0	Kém	32	Kém

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	HKII		Cả năm	
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại
124	17B850103023	Mai Giang	Son	16/02/1993	71	Khá	72.5	Khá
125	17B850103024	Lê Tất	Tài	04/08/1988	72	Khá	68	Khá
126	17B850103027	Cao Trần Thị Bích	Thảo	17/05/1995	82	Tốt	77.5	Khá
127	17B850103028	Lưu Thị	Thi	19/12/1994	68	Khá	65	Khá
128	17B850103029	Đinh Sỹ	Thiết	04/02/1992	0	Kém	31.5	Kém
129	17B850103030	Nguyễn Thị	Thương	10/04/1994	0	Kém	0	Kém
130	17B850103031	Võ Nhật	Tiến	26/03/1994	72	Khá	72	Khá
131	17B850103032	Nguyễn Văn	Trụ	01/09/1987	0	Kém	29.5	Kém
132	17B850103034	Nguyễn Đình	Trung	11/08/1992	78	Khá	74.5	Khá
133	17B850103033	Vũ Xuân	Trung	01/08/1988	64	TB	62	TB
134	17B850103035	Nguyễn Văn	Trương	26/03/1993	0	Kém	30	Kém
135	17B850103036	Phạm Thanh	Tùng	08/10/1994	0	Kém	0	Kém
136	17B850103038	Nguyễn Văn	Việt	25/08/1988	0	Kém	0	Kém
Lớp K8A_LT_QLDD_CQ								
137	17B850103050	Nguyễn Lộc	An	29/05/1985	78	Khá	69.5	Khá
138	17B850103051	Nguyễn Văn	Bằng	07/06/1991	63	TB	60	TB
139	17B850103053	Phan Mạnh	Cường	15/05/1994	63	TB	64	TB
140	17B850103054	Phạm Tấn	Đạt	30/09/1990	70	Khá	70	Khá
141	17B850103055	Nguyễn Văn	Giang	07/09/1983	73	Khá	68	Khá
142	17B850103056	Từ Đức	Giáp	25/05/1990	67	Khá	65	Khá
143	17B850103057	Trần Thị	Hiếu	01/11/1989	71	Khá	66	Khá
144	17B850103059	Đỗ Việt	Hoàng	03/03/1994	68	Khá	41.5	Yếu
145	17B850103058	Trần Khắc	Hoàng	24/11/1990	71	Khá	43	Yếu
146	17B850103060	Nguyễn Thị	Huệ	01/01/1988	73	Khá	69	Khá
147	17B850103061	Hồ Thanh	Lâm	20/09/1994	71	Khá	42	Yếu
148	17B850103062	Nguyễn Trần Trúc	Linh	10/02/1994	69	Khá	66	Khá
149	17B850103064	Lý Quang	Minh	10/01/1989	67	Khá	64.5	TB
150	17B850103063	Nguyễn Hoàng	Minh	01/01/1992	73	Khá	69	Khá
151	17B850103065	Nguyễn Thị	Ngọc	30/01/1988	73	Khá	67.5	Khá
152	17B850103066	Lê Quang	Nguyên	01/09/1988	71	Khá	66.5	Khá
153	17B850103067	Vòng Lý	Nhục	20/09/1992	69	Khá	67	Khá
154	17B850103068	Lê Thị Mai	Quỳnh	10/02/1995	73	Khá	67.5	Khá
155	17B850103069	Nguyễn Ngọc	Thi	14/09/1991	74	Khá	68.5	Khá

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	HKII		Cả năm	
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại
156	17B850103070	Nguyễn Thị Hà	Thương	25/10/1992	71	Khá	71.5	Khá
157	17B850103071	Phạm Hữu	Toàn	14/05/1988	65	Khá	61	TB
158	17B850103072	Nguyễn Thị Phương	Trinh	26/12/1995	68	Khá	66.5	Khá
159	17B850103073	Lê Thanh	Tuấn	18/07/1987	71	Khá	71.5	Khá
160	17B850103074	Hồ Vũ	Tùng	20/03/1988	68	Khá	41.5	Yếu
161	17B850103075	Hồ Thị Hồng	Vân	20/11/1983	73	Khá	67	Khá
Lớp K8B_LT_QLDD_CQ								
162	17B850103076	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	08/09/1996	68	Khá		
163	17B850103077	Nguyễn	Cảnh	24/09/1989	63	TB		
164	17B850103078	Nguyễn Văn	Chí	15/07/1982	63	TB		
165	17B850103079	Nguyễn Hùng	Cường	09/01/1989	71	Khá		
166	17B850103080	Phạm Quốc	Đạt	04/12/1995	69	Khá		
167	17B850103081	Nguyễn Tuấn	Điền	16/09/1996	63	TB		
168	17B850103082	Tạ Văn	Đường	04/05/1989	68	Khá		
169	17B850103083	Lê Quang	Gia	14/05/1982	69	Khá		
170	17B850103084	Nguyễn Trường	Giang	10/02/1994	69	Khá		
171	17B850103086	Phạm Văn	Hải	10/08/1992	71	Khá		
172	17B850103085	Trần Đại	Hải	07/12/1991	69	Khá		
173	17B850103088	Đông Thị	Hạnh	02/02/1985	71	Khá		
174	17B850103089	Nguyễn Trung	Hiếu	16/08/1988	71	Khá		
175	17B850103091	Lê Khánh	Hòa	22/04/1989	69	Khá		
176	17B850103090	Phạm Bảo	Hòa	20/06/1996	68	Khá		
177	17B850103093	Lê Văn	Hùng	22/11/1996	76	Khá		
178	17B850103092	Lê Xuân	Hùng	13/02/1987	69	Khá		
179	17B850103095	Nguyễn Quang	Huy	04/05/1994	69	Khá		
180	17B850103094	Nguyễn Thanh	Hưng	30/05/1995	71	Khá		
181	17B850103096	Bùi Xuân	Kiên	17/09/1984	69	Khá		
182	17B850103097	Nguyễn Thị Ngọc	Kim	07/10/1986	69	Khá		
183	17B850103100	Lê Xuân	Long	30/12/1996	69	Khá		
184	17B850103099	Tạ Như	Lợi	05/08/1972	76	Khá		
185	17B850103098	Võ Tấn	Lợi	02/02/1991	69	Khá		
186	17B850103101	Phạm Xuân	Minh	01/09/1988	71	Khá		
187	17B850103102	Đào Trung	Nam	13/04/1994	68	Khá		

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	HKII		Cả năm	
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại
188	17B850103103	Trần Thị	Nga	23/11/1996	71	Khá		
189	17B850103164	Nguyễn Văn	Phú	10/08/1992	69	Khá		
190	17B850103104	Hà Thị Kim	Phượng	27/05/1991	71	Khá		
191	17B850103105	Trần Ngọc	Phượng	28/04/1994	66	Khá		
192	17B850103106	Lương Thị Bích	Quyên	07/02/1996	71	Khá		
193	17B850103107	Mạnh Trọng	Quyên	28/09/1989	71	Khá		
194	17B850103108	Nguyễn Hồng	Son	19/08/1993	69	Khá		
195	17B850103110	Lê Xuân	Thanh	02/02/1985	76	Khá		
196	17B850103113	Nguyễn Thị	Thảo	03/05/1991	71	Khá		
197	17B850103112	Tou Prong Nai	Thảo	21/09/1996	69	Khá		
198	17B850103111	Vũ Văn	Thảo	06/06/1991	69	Khá		
199	17B850103109	Phạm Hùng	Thắng	27/02/1992	69	Khá		
200	17B850103114	Dương Văn	Thế	25/11/1987	69	Khá		
201	17B850103116	Phạm Thị Thu	Thùy	10/03/1982	71	Khá		
202	17B850103115	Nguyễn Thị Hoài	Thương	06/03/1987	68	Khá		
203	17B850103117	Hồ Sỹ	Tiêm	15/05/1993	71	Khá		
204	17B850103118	Võ Thị Ngọc	Trâm	01/11/1996	68	Khá		
205	17B850103119	Trần Lê Tú	Trinh	22/07/1994	71	Khá		
206	17B850103121	Dương Quốc	Tuấn	02/10/1996	68	Khá		
207	17B850103120	Lê Duy	Tuấn	24/07/1985	71	Khá		
208	17B850103122	Đoàn Thị Bích	Tuyền	06/01/1979	69	Khá		
209	17B850103123	Dương Văn	Viên	01/05/1996	69	Khá		
210	17B850103124	Đặng Quang	Vinh	11/12/1993	69	Khá		
211	17B850103125	Trịnh Khả	Vương	30/11/1995	69	Khá		
Khoa TN&MT								
Lớp K6B_LTTC_QLTNR_CS2								
212	15B620211079	Trần Quang	Cường	25/10/1988	77	Khá	75.5	Khá
213	15B620211081	Đào Đức	Dũng	07/08/1992	79	Khá	77.5	Khá
214	15B620211083	K	Đạt	06/11/1994	77	Khá	76.5	Khá
215	15B620211084	Hoàng Như	Hà	16/03/1990	79	Khá	78.5	Khá
216	15B620211085	Đào Văn	Hải	14/09/1990	88	Tốt	86.5	Tốt
217	15B620211086	Thái Trung	Hiếu	02/02/1990	80	Tốt	79.5	Khá
218	15B620211089	Lương Văn	Khánh	20/04/1992	75	Khá	74.5	Khá

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	HKII		Cả năm	
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại
219	15B620211088	Nguyễn Chính	Khánh	06/07/1991	82	Tốt	80.5	Tốt
220	15B620211091	Nguyễn Văn	Long	02/08/1988	79	Khá	77.5	Khá
221	15B620211092	Nguyễn Việt	Luận	20/06/1987	77	Khá	76.5	Khá
222	16B620211003	Nguyễn Văn	Lư	06/05/1979	79	Khá	77.5	Khá
223	15B620211093	Bạch Doãn	Lý	02/04/1994	77	Khá	76.5	Khá
224	15B620211095	Nguyễn Cao	Nghĩa	20/06/1986	74	Khá	75	Khá
225	15B620211094	Thái Trung	Nghĩa	15/03/1992	79	Khá	77.5	Khá
226	15B620211097	Bùi Đông	Nho	20/02/1990	82	Tốt	80.5	Tốt
227	15B620211099	Lục Thanh	Phong	18/04/1994	79	Khá	77.5	Khá
228	15B620211102	Hồ Hoàng	Phút	03/01/1990	77	Khá	76.5	Khá
229	15B620211103	Đặng Quốc	Thái	25/04/1995	79	Khá	77.5	Khá
230	15B620211106	Trần Công	Thành	10/07/1995	77	Khá	75.5	Khá
231	15B620211105	Trần Văn	Thành	12/10/1995	77	Khá	76.5	Khá
232	15B620211108	Trần Văn	Thông	06/12/1993	77	Khá	75.5	Khá
233	15B620211109	Huỳnh Hồng	Tiến	14/04/1993	77	Khá	75.5	Khá
234	15B620211110	Lê Văn	Trung	01/02/1989	77	Khá	76.5	Khá
235	15B620211112	Nguyễn Quang	Trương	09/10/1995	77	Khá	76.5	Khá
236	15B620211111	Nguyễn Xuân	Trương	01/09/1995	79	Khá	77.5	Khá
237	16B620211006	Hoàng Quốc	Tuân	29/08/1988	75	Khá	75.5	Khá
238	16B620211008	Đình Thanh	Tuấn	06/12/1981	80	Tốt	78.5	Khá
239	15B620211113	Nguyễn Sỹ	Tuấn	18/12/1992	88	Tốt	86.5	Tốt
240	16B620211009	Nguyễn Văn	Tuấn	22/03/1985	77	Khá	75.5	Khá
241	15B620211114	Tô Anh	Tuấn	27/08/1993	79	Khá	77.5	Khá
242	15B620211115	Dương Thanh	Tùng	21/05/1994	75	Khá	75.5	Khá
Lớp K7B_LT_QLTNR_CQ								
243	17B620211001	Hoàng Huy	Bình	24/02/1984	77	Khá	75.5	Khá
244	17B620211002	Phan Xuân	Chung	10/04/1993	77	Khá	75.5	Khá
245	17B620211003	Phạm Văn	Chương	03/06/1993	81	Tốt	82	Tốt
246	17B620211004	Phan Gia	Công	10/08/1985	80	Tốt	79.5	Khá
247	17B620211005	Trần Văn	Dũng	04/04/1989	77	Khá	75.5	Khá
248	17B620211007	Lê Ba	Duy	12/01/1993	80	Tốt	79	Khá
249	17B620211006	Tô Văn	Dương	22/02/1996	77	Khá	76	Khá
250	17B620211008	Nguyễn Văn	Đại	03/11/1988	77	Khá	75.5	Khá

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	HKII		Cả năm	
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại
251	17B620211009	Lê Phát	Đạt	03/12/1995	77	Khá	75.5	Khá
252	17B620211010	Tạ Quang	Đông	20/11/1994	0	Kém	25.5	Kém
253	17B620211013	Vũ Trung	Đức	03/05/1994	77	Khá	78	Khá
254	17B620211014	Phạm Huỳnh Minh	Giang	06/04/1993	77	Khá	74.5	Khá
255	17B620211018	Phạm Hữu	Hào	25/10/1984	79	Khá	77.5	Khá
256	17B620211017	Lê Thị	Hằng	08/08/1995	79	Khá	77	Khá
257	17B620211020	Đàm Minh	Hiếu	25/09/1995	81	Tốt	79	Khá
258	17B620211021	Nông Văn	Hiếu	09/09/1996	70	Khá	71	Khá
259	17B620211023	Trần Thị	Hòa	28/06/1987	84	Tốt	82	Tốt
260	17B620211024	Nguyễn Quốc	Hội	20/11/1994	78	Khá	79.5	Khá
261	17B620211025	Đình Tiên	Hùng	05/09/1996	74	Khá	73	Khá
262	17B620211026	Giáp Huy	Hùng	28/08/1982	77	Khá	75.5	Khá
263	17B620211029	Thẩm Văn	Huy	08/08/1993	77	Khá	75	Khá
264	17B620211028	Đường Huy	Hương	21/12/1990	79	Khá	80	Tốt
265	17B620211027	Trần Trọng	Hương	29/10/1994	75	Khá	73.5	Khá
266	17B620211031	Phạm Xuân	Linh	06/11/1985	82	Tốt	80	Tốt
267	17B620211032	Nguyễn Tấn	Lộc	11/11/1995	81	Tốt	79.5	Khá
268	17B620211033	Đặng Cao Phước	Lợi	23/04/1994	75	Khá	73.5	Khá
269	17B620211035	Nguyễn Trọng	Luận	11/10/1995	75	Khá	75	Khá
270	17B620211036	Từ Hoài	Nam	05/05/1990	83	Tốt	83	Tốt
271	17B620211038	Nguyễn Phước Quý	Nhật	17/01/1993	82	Tốt	82.5	Tốt
272	17B620211039	Phan Đình	Phong	05/08/1990	75	Khá	75.5	Khá
273	17B620211040	Nguyễn Hoàng	Phúc	17/05/1995	75	Khá	73.5	Khá
274	17B620211041	Lê Trung	Phương	20/04/1986	75	Khá	74.5	Khá
275	17B620211042	Thái Văn	Phương	15/09/1987	78	Khá	77.5	Khá
276	17B620211043	Phạm Linh	Sang	21/09/1992	75	Khá	73.5	Khá
277	17B620211044	Phan Thanh	Sang	10/09/1995	0	Kém	0	Kém
278	17B620211046	Đình Duy	Tân	12/07/1994	81	Tốt	80	Tốt
279	17B620211045	Nguyễn Thành	Tân	15/02/1991	77	Khá	75.5	Khá
280	17B620211048	Hà Quang	Thạc	23/02/1991	74	Khá	73	Khá
281	17B620211049	Lê Văn	Thành	12/10/1994	77	Khá	76	Khá
282	17B620211050	Phạm Thành	Thật	18/07/1996	77	Khá	74.5	Khá
283	17B620211051	Nguyễn Trung	Thiện	09/11/1995	77	Khá	74	Khá

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	HKII		Cả năm	
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại
284	17B620211052	Phạm Văn	Thơ	01/03/1995	77	Khá	74.5	Khá
285	17B620211055	Vi Thị	Trang	11/11/1995	82	Tốt	77.5	Khá
286	17B620211054	Thạch Thị	Trâm	10/12/1995	77	Khá	76	Khá
287	17B620211056	Hà Văn	Trường	21/12/1992	75	Khá	73.5	Khá
288	17B620211057	Nguyễn Đức	Tú	07/07/1987	82	Tốt	82.5	Tốt
289	17B620211063	Lê Quốc	Tuấn	18/01/1995	77	Khá	76	Khá
290	17B620211062	Nguyễn Anh	Tuấn	24/01/1993	77	Khá	76	Khá
291	17B620211060	Phùng Lý Phương	Tuấn	30/07/1995	75	Khá	75	Khá
292	17B620211058	Lê Thông	Tư	01/06/1990	79	Khá	77.5	Khá
293	17B620211059	Lê Nguyễn Dạ	Từ	05/10/1995	77	Khá	76	Khá
294	17B620211064	Nguyễn Đình	Văn	06/12/1995	75	Khá	75	Khá
295	17B620211065	Nguyễn Hoàng Bảo	Văn	28/07/1995	80	Tốt	79	Khá
296	17B620211066	Võ Thành	Vương	06/02/1995	79	Khá	78.5	Khá
297	17B620211067	Hoàng Thị	Yến	28/06/1994	80	Tốt	77.5	Khá
Lớp K8B_LT_KHMT_CQ								
298	17B440301002	Nguyễn Vũ Thảo Nhật Hạ		25/04/1995	78	Khá		
299	17B440301003	Vũ Thị Bảo	Huyền	05/11/1995	80	Tốt		
300	17B440301004	Nguyễn Hoàng Phụng	Kiều	01/06/1995	76	Khá		
301	17B440301005	Phan	Phong	25/12/1990	76	Khá		
302	17B440301006	Huỳnh Hữu	Tài	02/11/1995	74	Khá		
303	17B440301007	Võ Thị Thu	Thảo	03/04/1996	80	Tốt		
304	17B440301008	Bá Nguyễn Anh	Thư	28/01/1996	77	Khá		
305	17B440301010	Đỗ Tấn	Trung	02/06/1995	78	Khá		
Lớp K8B_LT_QLTNR_CQ								
306	17B620211102	Trần Văn	Bảo	14/05/1991	70	Khá		
307	17B620211103	Đoàn Đức	Bình	30/08/1996	83	Tốt		
308	17B620211104	Hoàng Thanh	Bình	24/04/1995	72	Khá		
309	17B620211109	Nguyễn Tiến	Dũng	29/10/1995	70	Khá		
310	17B620211113	Trần Thị Thu	Hà	17/09/1995	73	Khá		
311	17B620211114	My Duy	Hải	14/12/1994	72	Khá		
312	17B620211117	Lê Thái	Hòa	13/08/1994	70	Khá		
313	17B620211120	Nguyễn Lê Quốc	Huy	24/08/1996	73	Khá		
314	17B620211119	Lưu Thị Thiên	Hương	03/04/1996	81	Tốt		

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	HKII		Cả năm	
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại
315	17B620211122	Hà Trung	Kiên	15/09/1996	73	Khá		
316	17B620211123	Trần Văn	Lam	06/05/1993	77	Khá		
317	17B620211124	Hoàng Thành	Lộc	21/05/1994	73	Khá		
318	17B620211126	Nguyễn Sỹ	Mạnh	07/04/1992	73	Khá		
319	17B620211127	Trần Giang	Nam	02/10/1996	78	Khá		
320	17B620211133	Dương Văn	Sự	09/06/1990	78	Khá		
321	17B620211135	Nông Văn	Thanh	03/12/1994	73	Khá		
322	17B620211136	Vũ Trọng	Thi	16/02/1985	72	Khá		
323	17B620211137	Lê Văn	Thiện	27/04/1990	75	Khá		
324	17B620211138	Lê Văn	Thọ	15/04/1983	73	Khá		
325	17B620211139	Lê Thị Diễm	Thoa	24/08/1996	76	Khá		
326	17B620211140	Nguyễn Đức	Thuận	10/01/1994	73	Khá		
327	17B620211142	Trần Quốc	Tĩnh	25/08/1996	75	Khá		
328	17B620211143	Trần Ngọc	Tuấn	14/12/1996	81	Tốt		
329	17B620211144	Nguyễn Văn	Tuyền	08/04/1985	81	Tốt		
330	17B620211145	Nã Ngọc	Ven	03/08/1993	78	Khá		

